

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SƠN TÂY**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

---

Tháng 03 năm 2011

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG  
TRÌNH ĐÔ THỊ SƠN TÂY**

Số 02, phố Phùng Hưng, thị xã Sơn Tây  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 15

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG  
TRÌNH ĐÔ THỊ SƠN TÂY**

Số 02, phố Phùng Hưng, thị xã Sơn Tây

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

---

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm 2010 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Hà Ngọc Tấn

Chủ tịch

Ông Lê Văn Thục

Phó Chủ tịch

Ông Lê Văn Vũ

Ủy viên

Bà Phùng Thị Nhưòng

Ủy viên

Ông Nguyễn Hồng Điệp

Ủy viên

**Ban Giám đốc**

Ông Lê Văn Thục

Giám đốc điều hành

Bà Phùng Thị Nhưòng

Phó Giám đốc điều hành

Ông Lê Văn Vũ

Phó Giám đốc điều hành

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc,

---

**Hà Ngọc Tấn**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

*Ngày 19 tháng 03 năm 2010*

Số: /AA-MTST.RE

## BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây (gọi tắt là “Công ty”) tại ngày 31/12/2010, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 01, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### **Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Chủ tịch Hội đồng quản trị cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

---

**Lê Văn Thanh**  
**Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0357/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ**

*Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2011*

---

**Nguyễn Phương Lan Anh**  
**Chủ nhiệm Kiểm toán**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0673/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

**MẪU B 01-DN**  
Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>					
<b>A</b>	<b>(100) = 110 + 120 + 130 + 140 + 150</b>	<b>100</b>		<b>20.482.893.375</b>	<b>16.820.440.312</b>
<b>I</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>7.551.006.971</b>	<b>4.222.336.906</b>
1	Tiền	111	4	7.551.006.971	4.222.336.906
2	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>4.000.000.000</b>	<b>8.000.000.000</b>
1	Đầu tư ngắn hạn	121	5	4.000.000.000	8.000.000.000
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
<b>III</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>7.794.371.081</b>	<b>3.920.022.223</b>
1	Phải thu khách hàng	131	6	5.489.285.081	3.825.010.223
2	Trả trước cho người bán	132	7	1.873.281.000	90.000.000
3	Các khoản phải thu khác	138	8	431.805.000	5.012.000
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>574.419.323</b>	<b>533.286.981</b>
1	Hàng tồn kho	141	9	574.419.323	533.286.981
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>563.096.000</b>	<b>144.794.202</b>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	563.096.000	104.900.000
2	Thuê GTGT được khấu trừ	152		-	39.894.202
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>					
<b>B</b>	<b>(200) = 210 + 220 + 240 + 250 + 260</b>	<b>200</b>		<b>79.475.885.390</b>	<b>12.742.719.696</b>
<b>I</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>79.475.885.390</b>	<b>12.517.163.696</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	221	11	14.222.603.464	12.485.803.696
	- Nguyên giá	222		33.622.613.955	27.455.240.941
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(19.400.010.491)	(14.969.437.245)
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	65.253.281.926	31.360.000
<b>II</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>III</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>IV</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	<b>225.556.000</b>
1	Chi phí trả trước dài hạn	261		-	217.556.000
2	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3	Tài sản dài hạn khác	268		-	8.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>				<b>99.958.778.765</b>	<b>29.563.160.008</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

				<b>MẪU B 01-DN</b>	
				<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<b>STT</b>	<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
<b>A</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>9.153.007.010</b>	<b>10.158.445.646</b>
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>9.023.177.071</b>	<b>10.028.615.707</b>
1	Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2	Phải trả người bán	312	13	631.283.200	5.012.000
3	Người mua trả tiền trước	313		2.623.000	179.342.000
4	Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	1.714.274.772	1.001.041.708
5	Phải trả người lao động	315		570.702.000	1.037.584.000
6	Các khoản phải trả phải, nộp khác	319	15	6.104.294.099	7.805.635.999
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>129.829.939</b>	<b>129.829.939</b>
1	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		129.829.939	129.829.939
<b>B</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>90.805.771.755</b>	<b>19.404.714.362</b>
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>82.794.215.580</b>	<b>13.314.943.000</b>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	16	11.256.000.000	11.256.000.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	417	16	3.559.960.977	1.736.960.977
3	Quỹ dự phòng tài chính	418	16	550.580.000	246.580.000
4	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	16	422.501.177	75.402.023
6	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		67.005.173.426	-
<b>II</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>8.011.556.175</b>	<b>6.089.771.362</b>
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	17	1.579.606.995	902.397.995
2	Nguồn kinh phí	432		-	(30.274.500)
3	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản	433	17	6.431.949.180	5.217.647.867
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(430 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>99.958.778.765</b>	<b>29.563.160.008</b>

Hà Ngọc Tân  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 19 tháng 03 năm 2011

Vũ Kim Hoa  
Kế toán

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

**MẪU B 02-DN**  
Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Từ 01/10/2008 đến 31/12/2009
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	45.928.890.785	38.505.433.133
2	Các khoản giảm trừ	02		4.747.600	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		45.924.143.185	38.505.433.133
4	Giá vốn hàng bán	11		35.333.149.038	29.483.281.950
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		10.590.994.147	9.022.151.183
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	293.237.687	289.396.252
7	Chi phí tài chính	22	19	77.778	-
	- Trong đó: chi phí lãi vay	23		77.778	-
8	Chi phí bán hàng	24		-	-
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.796.622.526	2.739.789.168
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		8.087.531.530	6.571.758.267
11	Thu nhập khác	31		26.913.700	106.561.905
12	Chi phí khác	32		10.550.000	66.518.464
13	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		16.363.700	40.043.441
14	Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		<b>8.103.895.230</b>	<b>6.611.801.708</b>
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2.025.973.808	1.176.147.708
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		<b>6.077.921.422</b>	<b>5.435.654.000</b>
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		<b>5.400</b>	<b>4.829</b>

**Hà Ngọc Tấn**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 19 tháng 03 năm 2011

**Vũ Kim Hoa**  
Kế toán

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp trực tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

**MẪU B 03-DN**  
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Từ 01/10/2008 đến 31/12/2009
<b>I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		40.919.606.675	34.859.764.909
2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(17.528.525.811)	(7.693.780.258)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03		(13.860.370.000)	(13.581.388.100)
4 Tiền chi trả lãi vay	04		(77.778)	-
5 Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05		(1.500.320.708)	(599.432.000)
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		68.383.000	82.452.048.807
7 Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(68.383.000)	(31.744.511.609)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>8.030.312.378</b>	<b>63.692.701.749</b>
<b>II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.976.800.000)	(58.930.196.000)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22			104.761.905
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4 Tiền thu hồi cho vay, bán các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5 Tiền chi góp vốn vào đơn vị khác	25			
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		301.237.687	289.396.252
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(2.675.562.313)</b>	<b>(58.536.037.843)</b>
<b>III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của CSH	31			
2 Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		200.000.000	-
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(200.000.000)	
5 Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35			
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.026.080.000)	(934.327.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(2.026.080.000)</b>	<b>(934.327.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>3.328.670.065</b>	<b>4.222.336.906</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>4.222.336.906</b>	<b>-</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>7.551.006.971</b>	<b>4.222.336.906</b>

Hà Ngọc Tấn  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 19 tháng 03 năm 2011

Vũ Kim Hoa  
Kế toán



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây (“Công ty”) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 2248/QĐ-UBND ngày 10 tháng 07 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây về việc Phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây thành Công ty cổ phần. Ngày 25 tháng 09 năm 2008 Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103026959. Vốn điều lệ của Công ty là 11.256.000.000 đồng, tổng số cổ phần phát hành lần đầu là 1.125.600 cổ phần, với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Số cổ phần các cổ đông sáng lập đã mua là 1.125.600 cổ phần, cụ thể như sau:

<u>Cổ đông sáng lập của Công ty</u>	<u>Vốn góp VND</u>	<u>Tỷ lệ % góp vốn</u>
<b>1. Cổ đông Nhà nước</b>	<b>4.052.160.000</b>	<b>36%</b>
Người đại diện vốn Nhà nước: Ông Hà Ngọc Tân (Theo quyết định số 814/QĐ-UBND tỉnh Hà Tây)	4.052.160.000	36%
<b>2. Cổ đông thể nhân</b>	<b>7.203.840.000</b>	<b>64%</b>
<b>Cộng</b>	<b>11.256.000.000</b>	<b>100%</b>

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2010 là 325 người.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là:

- (i) Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt, đảm bảo vệ sinh môi trường;
- (ii) Quản lý vận hành hệ thống thoát nước đô thị;
- (iii) Quản lý vận hành hệ thống điện chiếu sáng, điện trang trí, đèn tín hiệu giao thông công cộng;
- (iv) Quản lý duy trì công viên, vườn hoa, cây xanh thảm cỏ đường phố, đảo giao thông;
- (v) Quản lý nghĩa trang nhân dân làm dịch vụ tang lễ;
- (vi) Xây dựng, sửa chữa vừa và nhỏ các công trình hạ tầng đô thị như: vỉa hè, thoát nước, đường nội thị, điện chiếu sáng, vườn hoa, cây xanh, thảm cỏ;
- (vii) Kinh doanh dịch vụ giải trí trong công viên;
- (viii) Kinh doanh hoa, cây cảnh;
- (ix) Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải công nghiệp, rác thải độc hại;
- (x) Xử lý môi trường làng nghề.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính hàng năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền.**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng.

**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến dưới một năm.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định của Công ty bao gồm tài sản cố định thuộc quyền sở hữu của Công ty và tài sản cố định công cộng do Nhà nước giao Công ty quản lý, vận hành.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

<b>Tài sản</b>	<b>2010 (Số năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc thiết bị	5 – 10
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh kỳ kế toán hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ kế toán.

Các khoản chi phí phát sinh trong kỳ kế toán nhưng có liên quan đến nhiều năm tài chính thì được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán theo phương pháp và tiêu thức hợp lý.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm các khoản lãi tiền gửi và lãi do chênh lệch tỷ giá. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Chi phí đi vay**

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG  
TRÌNH ĐÔ THỊ SƠN TÂY**Số 02, phố Phùng Hưng, thị xã Sơn Tây  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TIỀN**

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Tiền mặt	72.066.400	87.126.300
Tiền gửi ngân hàng	7.478.940.571	1.135.210.606
Tiền đang chuyển	-	3.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>7.551.006.971</u></b>	<b><u>4.222.336.906</u></b>

**5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	4.000.000.000	8.000.000.000

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Ban đầu tư XD thị xã Sơn Tây	-	342.088.500
Cty CP môi trường xanh Seraphin	113.850.000	-
Ban quản lý vốn sự nghiệp thị xã Sơn Tây	3.977.690.558	3.404.101.000
Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Phúc Thọ	1.266.889.000	-
Các đối tượng khác	130.855.523	78.820.723
<b>Cộng</b>	<b><u>5.489.285.081</u></b>	<b><u>3.825.010.223</u></b>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Công ty xây dựng và chế biến lâm sản Đông Quang 1	1.871.681.000	-
Công ty in đường sắt	1.600.000	-
Công ty CP tập đoàn tư vấn xây dựng Việt Nam	-	50.000.000
Công ty CP chứng khoán quốc tế Hoàng Gia	-	20.000.000
Viện KH và kỹ thuật môi trường	-	20.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.873.281.000</u></b>	<b><u>90.000.000</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG  
TRÌNH ĐÔ THỊ SƠN TÂY**Số 02, phố Phùng Hưng, thị xã Sơn Tây  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Ban Bồi thường GPMB Ba vì	250.000.000	
Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	127.492.000	
Ban quản lý vốn sự nghiệp thị xã Sơn Tây	50.000.000	
Phải thu khác	4.313.000	5.012.000
<b>Cộng</b>	<b><u>431.805.000</u></b>	<b><u>5.012.000</u></b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Nguyên liệu vật liệu	295.338.017	129.211.453
Công cụ dụng cụ	-	10.550.000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	393.525.528
Thành phẩm	279.081.306	-
<b>Cộng</b>	<b><u>574.419.323</u></b>	<b><u>533.286.981</u></b>

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Chi phí công cụ, dụng cụ phục vụ sản xuất	<u>563.096.000</u>	<u>104.900.000</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG  
TRÌNH ĐÔ THỊ SƠN TÂY**

Số 02, phố Phùng Hưng, thị xã Sơn Tây  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản công cộng được giao quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>					
<b>Tại ngày 31/12/2009</b>	<b>2.047.254.200</b>	<b>14.873.525.041</b>	<b>220.711.700</b>	<b>10.313.750.000</b>	<b>27.455.240.941</b>
Tăng do xây dựng, mua sắm mới, điều chuyển		2.976.800.000		3.190.573.014	6.167.373.014
Giảm do thanh lý, nhượng bán trong năm	-				-
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>2.047.254.200</b>	<b>17.850.325.041</b>	<b>220.711.700</b>	<b>13.504.323.014</b>	<b>33.622.613.955</b>
<b>KHẤU HAO LŨY KẾ</b>					
<b>Tại ngày 31/12/2009</b>	<b>658.413.444</b>	<b>9.072.023.096</b>	<b>142.898.572</b>	<b>5.096.102.133</b>	<b>14.969.437.245</b>
Khấu hao trong năm	133.518.500	2.279.885.117	40.897.928	1.976.271.701	4.430.573.246
Giảm trong năm					-
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>791.931.944</b>	<b>11.351.908.213</b>	<b>183.796.500</b>	<b>7.072.373.834</b>	<b>19.400.010.491</b>
<b>GÍA TRỊ CÒN LẠI</b>					
<b>Tại ngày 31/12/2009</b>	<b>1.388.840.756</b>	<b>5.801.501.945</b>	<b>77.813.128</b>	<b>5.217.647.867</b>	<b>12.485.803.696</b>
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>1.255.322.256</b>	<b>6.498.416.828</b>	<b>36.915.200</b>	<b>6.431.949.180</b>	<b>14.222.603.464</b>

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Dự án Tòa nhà hỗn hợp văn phòng	81.360.000	31.360.000
Dự án Cải tạo mở rộng nghĩa trang thị xã Sơn Tây	416.993.000	
Dự án Khu xử lý rác thị xã Sơn Tây	57.677.596.000	
Dự án khác	7.077.332.926	
<b>Cộng</b>	<b>65.253.281.926</b>	<b>31.360.000</b>

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang theo công trình:

	Năm 2010	Từ 01/10/2008 đến 31/12/2009
		VND
<b>Tại ngày đầu kỳ</b>	<b>31.360.000</b>	<b>0</b>
Tăng trong năm	69.823.139.500	31.360.000
Kết chuyển sang TSCĐ	4.601.217.574	0
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>65.253.281.926</b>	<b>31.360.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG  
TRÌNH ĐÔ THỊ SƠN TÂY**Số 02, phố Phùng Hưng, thị xã Sơn Tây  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Công ty TNHH phát triển kỹ thuật và thiết bị bảo vệ	47.788.000	-
Công ty CP tư vấn điện chiếu sáng Bình Minh	285.500.000	-
Công ty CP tích hợp hệ thống IS	-	2.600.000
Doanh nghiệp tư nhân TM XD Đức Thắng	42.350.000	-
Cty TNHH miền đất mới	51.266.000	-
Các đối tượng khác	204.379.200	2.412.000
<b>Cộng</b>	<b><u>631.283.200</u></b>	<b><u>5.012.000</u></b>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng đầu ra	188.300.964	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.525.973.820	998.045.708
Thuế Thu nhập cá nhân	-	2.996.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.714.274.784</u></b>	<b><u>1.001.041.708</u></b>

**15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC**

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Phải trả về cổ phần hóa	2.876.388.591	5.876.748.591
Phải trả cổ tức Nhà nước	1.536.164.600	806.776.600
Lãi tiền gửi không kỳ hạn phần vốn giữ hộ Nhà nước	211.189.000	140.673.000
Các đối tượng khác	1.480.551.908	981.437.808
<b>Cộng</b>	<b><u>6.104.294.099</u></b>	<b><u>7.805.635.999</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG  
TRÌNH ĐÔ THỊ SƠN TÂY**

Số 02, phố Phùng Hưng, thị xã Sơn Tây  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn đầu tư của Chủ sở hữu</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính</b>	<b>Lãi, (Lỗ) chưa phân phối</b>	<b>Cộng</b>
	VND			VND	VND
<b>Số dư tại ngày 31/12/2009</b>	<b>11.256.000.000</b>	<b>1.736.960.977</b>	<b>246.580.000</b>	<b>75.402.023</b>	<b>13.314.943.000</b>
Tăng trong năm	-	1.823.000.000	304.000.000	6.077.921.422	8.204.921.422
Phân phối lợi nhuận	-	1.823.000.000	304.000.000	-	2.127.000.000
Lãi trong năm				6.077.921.422	6.077.921.422
Giảm trong năm	-	-	-	5.730.822.268	5.730.822.268
Chia các quỹ				3.647.000.000	3.647.000.000
Trả cổ tức cho cổ đông				2.026.080.000	2.026.080.000
Giảm khác				57.742.268	57.742.268
<b>Số dư tại ngày 31/12/2010</b>	<b>11.256.000.000</b>	<b>3.559.960.977</b>	<b>550.580.000</b>	<b>422.501.177</b>	<b>11.678.501.177</b>

**b. Vốn điều lệ**

	<b>31/12/2010</b>		<b>31/12/2009</b>	
	VND	%	VND	%
Cổ đông Nhà nước	4.052.160.000	36%	4.052.160.000	36%
Cổ đông cá nhân	7.203.840.000	64%	7.203.840.000	64%
<b>Cộng</b>	<b>11.256.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>11.256.000.000</b>	<b>100%</b>

**17. NGUỒN KINH PHÍ VÀ QUỸ KHÁC**

	<b>Quỹ khen thưởng phúc lợi</b>	<b>Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản</b>	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2010</b>	<b>902.397.995</b>	<b>5.217.647.867</b>	<b>6.120.045.862</b>
Tăng trong năm	1.570.000.000	3.190.573.014	4.760.573.014
Giảm trong năm	892.791.000	1.976.271.701	2.869.062.701
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>1.579.606.995</b>	<b>6.431.949.180</b>	<b>8.011.556.175</b>

**18. DOANH THU**

	<b>Năm 2010</b>
	VND
Doanh thu hoạt động công ích	37.923.121.325
Doanh thu xây lắp điện	1.942.928.500
Doanh thu khác	6.062.840.960
<b>Cộng</b>	<b>45.928.890.785</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

- Doanh thu hoạt động công ích năm 2010 đã bao gồm kinh phí bổ sung năm 2009 với số tiền là 3.112.318.000 đồng do đơn giá khối lượng công ích được áp dụng theo quyết định số 6750/QĐ-UBND ngày 25/12/2009 về việc của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt đơn giá thanh toán cho các sản phẩm dịch vụ công ích đô thị năm 2009 thay thế quyết định số 2729/QĐ-UBND ngày của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt đơn giá thanh toán cho các sản phẩm dịch vụ công ích đô thị năm 2008.
- Khối lượng công tác chôn lấp rác, xử lý nước rác, quản lý, vận hành trạm cân điện tử tại bãi rác Xuân Sơn – Sơn Tây năm 2010 chưa được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt đơn giá thanh toán. Theo đó, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã có văn bản số 6152/QĐ-UBND ngày 14/12/2010 cho phép tạm tính đơn giá thanh toán tối đa bằng 70% đơn giá đã được ban hành theo quyết định số 6750/QĐ-UBND ngày 25/12/2009 nêu trên.

**19. DOANH THU, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Từ 21/01/2008 đến 31/12/2009</b>
	VND	VND
<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>293.237.687</b>	<b>140.582.817</b>
Lãi tiền gửi	290.277.687	140.582.817
Lãi tiền mua công trái	2.960.000	-
<b>Chi phí hoạt động tài chính</b>	<b>77.778</b>	<b>-</b>
Lãi tiền vay đã trả ngân hàng	77.778	-

**20. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Là số liệu bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn thuế - Kế toán và Kiểm toán Việt Nam.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2008 đến ngày 31/12/2009 được trình bày cho mục đích tham khảo, không so sánh được do không tương ứng với năm tài chính 2010.

**Hà Ngọc Tản**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 19 tháng 03 năm 2011

**Vũ Kim Hoa**  
Kế toán